

Số: 828/QĐ-ĐHGTVT-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2021
theo phương thức xét tuyển điểm học bạ THPT**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2021 TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/2/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh thành lập Hội đồng tuyển sinh và quyết định số 236/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/4/2021 của Hiệu trưởng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 328/TB-ĐHGTVT ngày 25/5/2021 của Hội đồng tuyển sinh Trường về việc xét tuyển đại học chính quy năm 2021 theo phương thức xét tuyển điểm học bạ THPT;

Căn cứ vào kết luận họp Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy năm 2021 Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ngày 26/7/2021;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực HĐTS Trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2021 theo phương thức xét tuyển điểm học bạ trung học phổ thông vào các chuyên ngành của trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Các thành viên Hội đồng tuyển sinh Trường, Ban thư ký HĐTS, các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, phòng Công tác sinh viên, phòng Kế hoạch - Tài vụ, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐTS;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐT.

CHỦ TỊCH HĐTS

(đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Xuân Phương

DANH SÁCH

Điểm trúng tuyển đại học chính quy năm 2021 theo phương thức xét tuyển điểm học bạ THPT

(Kèm theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHGTVT-HĐTS ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh)

1. Chương trình đào tạo đại trà

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Điểm trúng tuyển (*)
1	Công nghệ thông tin	7480201	28.2
2	Khoa học hàng hải (Điện tàu thủy)	78401065	18
3	Khoa học hàng hải (Điều khiển tàu biển)	78401061	21.6
4	Khoa học hàng hải (Quản lý hàng hải)	78401064	25.3
5	Khoa học hàng hải (Vận hành khai thác máy tàu thủy)	78401062	20
6	Kỹ thuật cơ khí (Cơ khí tự động)	75201032	26.2
7	Kỹ thuật cơ khí (Máy xếp dỡ và Máy xây dựng)	75201031	23.8
8	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Điện tử viễn thông)	7520207	25.6
9	Kỹ thuật điện (Điện công nghiệp)	75202011	25.5
10	Kỹ thuật điện (Hệ thống điện giao thông)	75202012	20
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Tự động hoá công nghiệp)	7520216	26.5
12	Kỹ thuật môi trường	7520320	18
13	Kỹ thuật ô tô (Cơ điện tử ô tô)	75201302	27.1
14	Kỹ thuật ô tô (Cơ khí ô tô)	75201301	27
15	Kỹ thuật tàu thủy	7520122	18
16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Quy hoạch và quản lý giao thông)	75802055	20
17	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Xây dựng cầu đường)	75802051	25.2
18	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Xây dựng công trình giao thông đô thị)	75802054	21
19	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (Xây dựng và quản lý cảng - công trình giao thông thủy)	7580202	19
20	Kỹ thuật xây dựng (Kỹ thuật kết cấu công trình)	75802012	24.5
21	Kỹ thuật xây dựng (Xây dựng dân dụng và công nghiệp)	75802011	25.8
22	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và quản lý chuỗi cung ứng)	75106052	29.4

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Điểm trúng tuyển (*)
23	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (<i>Quản trị Logistics và vận tải đa phương thức</i>)	75106051	29.1
24	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	26.7
25	Khai thác vận tải (<i>Quản lý và kinh doanh vận tải</i>)	7840101	27.5
26	Kinh tế vận tải (<i>Kinh tế vận tải biển</i>)	7840104	27.1
27	Kinh tế xây dựng (<i>Kinh tế xây dựng</i>)	75803011	25.8
28	Kinh tế xây dựng (<i>Quản lý dự án xây dựng</i>)	75803012	25.6

2. Chương trình đào tạo Chất lượng cao

STT	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành	Điểm trúng tuyển (*)
1	Công nghệ thông tin	7480201H	26
2	Khoa học hàng hải (<i>Điều khiển tàu biển</i>)	78401061H	18
3	Khoa học hàng hải (<i>Quản lý hàng hải</i>)	78401064H	23.5
4	Khoa học hàng hải (<i>Vận hành khai thác máy tàu thủy</i>)	78401062H	18
5	Kỹ thuật cơ khí (<i>Cơ khí ô tô</i>)	7520103H	26
6	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207H	23.4
7	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216H	25
8	Kỹ thuật xây dựng	7580201H	23.4
9	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (<i>Xây dựng cầu đường</i>)	75802051H	22
10	Khai thác vận tải (<i>Quản trị logistics và vận tải đa phương thức</i>)	7840101H	28
11	Kinh tế vận tải (<i>Kinh tế vận tải biển</i>)	7840104H	26
12	Kinh tế xây dựng	7580301H	24

Ghi chú:

- Thí sinh được công nhận trúng tuyển khi đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định và đạt điều kiện về điểm xét tuyển (ĐXT) học bạ;
- ĐXT học bạ = Tổng điểm trung bình môn học ở 5 học kỳ (HK1, HK2 lớp 10; HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) của 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có);
- Thí sinh đạt điều kiện về ĐXT học bạ khi có ĐXT học bạ \geq Điểm trúng tuyển^(*) tương ứng cho từng ngành/chuyên ngành theo nguyện vọng cao hơn đã đăng ký xét tuyển (nguyện vọng 1 là cao nhất);
- Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Điểm trúng tuyển chung cho tất cả các tổ hợp môn có xét tuyển./.